

BÁO CÁO

**Tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý đối với hồ sơ dự thảo
Nghị quyết ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách
nhà nước và mức vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình
mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển
giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình**

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Sở Y tế đã tổ chức lấy ý kiến đối với hồ sơ dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình (sau đây gọi tắt là *Nghị quyết*).

1. Tổng số cơ quan, tổ chức, cá nhân đã gửi xin ý kiến và tổng số ý kiến nhận được

- Tổng số cơ quan, tổ chức, cá nhân đã gửi xin ý kiến: 217. Bao gồm: 25 sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh; 129 UBND xã, phường trên địa bàn tỉnh; 55 đơn vị trực thuộc Sở Y tế và 8 phòng chức năng Sở Y tế; đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Ninh Bình để các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp ý kiến đối với dự thảo Nghị quyết.

- Tổng số ý kiến nhận được bằng văn bản: 27. Trong đó:

+ Số ý kiến góp ý, bổ sung, chỉnh sửa: 4.

+ Số ý kiến nhất trí: 23.

+ Số ý kiến góp ý thông qua Cổng Thông tin điện tử tỉnh: Không.

(Các cơ quan, đơn vị còn lại không có văn bản gửi về Sở Y tế tính đến hết thời hạn lấy ý kiến, coi như nhất trí với hồ sơ dự thảo).

2. Kết quả cụ thể

Trên cơ sở văn bản góp ý của các cơ quan, đơn vị gửi về Sở Y tế từ ngày 07/8/2026 đến hết thời hạn lấy ý kiến, Sở Y tế tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý tại bảng sau:

TT	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
1	Thủ tục hành chính dự thảo Nghị quyết; Kết quả đăng tải dự thảo Nghị quyết	Văn phòng UBND tỉnh (<i>Văn bản số 4828/VPUBND-PVHCC ngày 11/8/2026; văn bản số 4958/VPUBND-TT2 ngày 17/8/2026</i>)	- Dự thảo Nghị quyết không chứa quy định về thủ tục hành chính theo quy định tại Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính. - Kết quả lấy ý kiến dự thảo Nghị quyết trên Cổng thông tin điện tử tỉnh: Không có ý kiến góp ý.	Tiếp thu ý kiến; Cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục tham mưu xây dựng hồ sơ dự thảo theo đúng quy định của pháp luật hiện hành.
2	Về thẩm quyền ban hành văn bản; nội dung dự thảo tờ trình	Sở Tư pháp (<i>Văn bản số 2196/STP-XDVBQPPL ngày 11/8/2026</i>)	1. Về thẩm quyền ban hành văn bản - Theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 56 Nghị định số 358/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định cơ chế quản lý, tổ chức thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia: <u>“Điều 56. Nhiệm vụ của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh</u> <u>1. Xây dựng, trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định:</u> <i>c) <u>Bố trí vốn đối ứng từ ngân sách địa phương theo quy định tại Quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ và tỷ lệ vốn đối ứng từ ngân sách địa phương; nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước (bao gồm: vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương, vốn tự cân đối của ngân sách địa phương) thực hiện từng chương trình mục tiêu quốc gia tại địa phương.</u>”</i> - Theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều 9 Quyết định số 37/2026/QĐ-TTg ngày 14/7/2026 của Thủ tướng Chính phủ quy định nguyên tắc, tiêu chí, định	Tiếp thu ý kiến; đã bổ sung nội dung dự thảo Tờ trình làm rõ hơn cơ sở thực tiễn trong phần sự cần thiết ban hành Nghị quyết, cơ sở đưa ra quy định đối với các nội dung chính của dự thảo Nghị quyết.

TT	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			mức phân bổ ngân sách trung ương và tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2035, giai đoạn I từ năm 2026 đến năm 2030: “Điều 9. Tổ chức thực hiện: 4. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố a) Căn cứ điều kiện thực tế, xây dựng nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình giai đoạn 2026 - 2030 tại địa phương <u>trình Hội đồng nhân dân cùng cấp quyết định.</u>” Như vậy, Hội đồng nhân dân tỉnh có thẩm quyền ban hành Nghị quyết ban hành quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình. Tại dự thảo Tờ trình, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu và làm rõ hơn cơ sở thực tiễn trong phần sự cần thiết ban hành Nghị quyết, cơ sở đưa ra quy định đối với các nội dung chính của dự thảo Nghị quyết.	

TT	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Về nội dung dự thảo Nghị quyết (căn cứ ban hành, thể thức, kỹ thuật trình bày văn bản)		2. Về nội dung dự thảo Nghị quyết a) Đối với dự thảo Nghị quyết - Đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh sửa theo đúng mẫu số 18 Phụ lục III kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ: + Tại phần căn cứ ban hành, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát và viện dẫn một số căn cứ ban hành cho đúng theo quy định tại khoản 38 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.	Tiếp thu ý kiến; đã rà soát, chỉnh sửa tại phần căn cứ ban hành.
			+ Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bỏ căn cứ ban hành: “<i>Quyết định số 1709/QĐ-BYT ngày 12/6/2026...</i>” là văn bản cá biệt cho phù hợp với quy định tại Điều 62 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP: “Điều 62. Căn cứ ban hành văn bản quy phạm pháp luật <i>Căn cứ ban hành văn bản là văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực hoặc đã được công bố hoặc ký ban hành chưa có hiệu lực nhưng phải có hiệu lực trước hoặc cùng thời điểm với văn bản được ban hành.”</i>	Tiếp thu ý kiến; đã bỏ căn cứ ban hành là văn bản cá biệt.
			+ Dưới phần căn cứ ban hành, đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh sửa lại như sau: “<i>Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức...</i>” cho phù hợp theo mẫu.	Tiếp thu ý kiến; đã chỉnh sửa dự thảo theo góp ý.
			+ Đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung phần Quốc hiệu, tiêu ngữ và tên cơ quan ban hành văn bản tại dự thảo Quy định kèm theo Nghị quyết.	Tiếp thu ý kiến; đã bổ sung đủ thông tin tại dự thảo Quy định kèm theo Nghị quyết.

TT	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			+ Về đánh số trang văn bản, đề nghị cơ quan soạn thảo thực hiện theo đúng quy định tại khoản 7 phần I mục I Phụ lục I kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ: “7. Trang của văn bản được đánh số thứ tự bằng số Ả Rập, cỡ chữ 13, kiểu chữ đứng, không hiển thị số trang thứ nhất, đặt canh giữa theo chiều ngang trong phần lề trên của văn bản. Số trang của văn bản được ban hành kèm theo được đánh số riêng theo từng văn bản.”	Tiếp thu ý kiến; đã đánh số trang văn bản đúng quy định.
			- Tại phần Nơi nhận, đề nghị sửa thành: “Cục Kiểm tra văn bản và <u>Tổ chức thi hành pháp luật</u> - Bộ Tư pháp;” và “Trung tâm Thông tin - Công báo”.	Tiếp thu ý kiến; đã chỉnh sửa nội dung nơi nhận.
	Về nội dung dự thảo Quy định (Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày; nội dung quy định tại điểm a khoản 3 Điều 4 dự thảo Quy định)		b) Đối với dự thảo Quy định - Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát toàn bộ dự thảo Quy định kèm theo Nghị quyết để chỉnh sửa: “<i>Nghị quyết này</i>” thành “<i>Quy định này</i>” cho chính xác như tại Điều 1, Điều 3, Điều 6...	Tiếp thu ý kiến; đã rà soát, chỉnh sửa dự thảo Quy định kèm theo Nghị quyết, sửa cụm từ “ <i>Nghị quyết này</i> ” thành “ <i>Quy định này</i> ”.
			- Tại khoản 3 Điều 3 dự thảo quy định: “<u>nguyên tắc ưu tiên các xã biên giới biển, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi, các xã khó khăn về nguồn ngân sách.</u>” Tuy nhiên, tại điểm a khoản 4 Điều 3 dự thảo có quy định: “<u>ưu tiên cho các xã biên giới biển, xã/phường vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</u>”. Đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, chỉnh sửa và bổ sung cho phù hợp và thống nhất.	Tiếp thu ý kiến; đã chỉnh sửa, thống nhất sử dụng cụm từ “ <u>xã/phường vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi</u> ” tại dự thảo Quy định kèm theo Nghị quyết.

TT	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			- Tại điểm a khoản 3 Điều 4 dự thảo, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu bỏ: “<i>Đề án số 339/ĐA-CP và Tờ trình số 338/TTr-CP...</i>” và chỉnh sửa lại văn bản viện dẫn về quy mô dân số, quy mô diện tích các xã, phường năm 2025 cho phù hợp vì Nghị quyết số 1674/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội chỉ có nội dung <u>về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã</u> của tỉnh Ninh Bình năm 2025.	Tiếp thu một phần ý kiến. Sở Y tế giữ lại viện dẫn nguồn số liệu về quy mô dân số, quy mô diện tích các xã, phường theo Đề án số 339/ĐA-CP và Tờ trình số 338/TTr-CP của Chính phủ vì các văn bản này có đầy đủ số liệu về quy mô dân số, quy mô diện tích các xã, phường, số liệu này là cơ sở để tính toán hệ số điểm phân bổ ngân sách nhà nước theo các tiêu chí quy định tại Khoản 1 Điều 4 dự thảo Quy định kèm theo Nghị quyết. (<i>Nội dung Nghị quyết số 1674/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội không có các số liệu trên</i>). Sở Y tế đã chỉnh sửa lại, soạn thảo rõ hơn nội dung viện dẫn các nguồn số liệu tại điểm a khoản 3 Điều 4 dự thảo Quy định kèm theo Nghị quyết.
			- Tại điểm đ khoản 3 Điều 4 dự thảo Quy định, việc quy định: “<i>các cơ quan chuyên môn trực thuộc Sở Y tế</i>” là chưa phù hợp, đề nghị cơ quan soạn thảo chỉnh sửa lại cho chính xác.	Tiếp thu ý kiến; đã chỉnh sửa lại điểm đ khoản 3 Điều 4 dự thảo Quy định bảo đảm rõ ràng, chính xác, phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc Sở Y tế.
			- Tại Điều 5 dự thảo, đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ cục theo điều, khoản.	Tiếp thu ý kiến; đã bỏ cục lại Điều 5 dự thảo Quy định.
			- Tên Điều 6 dự thảo, đề nghị cơ quan soạn thảo	Tiếp thu ý kiến; đã chỉnh sửa tên Điều

TT	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			chỉnh sửa thành: “ <i>Định mức phân bổ ngân sách <u>nhà nước</u></i> ”.	6 dự thảo Quy định.
			- Tại điểm a khoản 2 Điều 6 và điểm a khoản 3 Điều 6, đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung như sau cho đầy đủ: “ <i>Điều 5 <u>Quy định này</u></i> ” và “ <i>Điều 4 <u>Quy định này</u></i> ”. Tại khoản 3 Điều 6 dự thảo đề nghị bổ sung: “ <i>Định mức phân bổ ngân sách <u>nhà nước</u> tại các xã, phường</i> ”.	Tiếp thu ý kiến; đã chỉnh sửa, bổ sung tại Điều 6 dự thảo Quy định.
	Về trình tự, thủ tục xây dựng và ban hành văn bản		3. Về trình tự, thủ tục xây dựng và ban hành văn bản Trình tự, thủ tục xây dựng, ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh theo quy định từ Điều 43 đến Điều 48 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP (<i>được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 187/2025/NĐ-CP</i>).	Tiếp thu ý kiến. Cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục tham mưu thực hiện theo đúng quy định của pháp luật.
3	Tiêu chí theo quy mô dân số (tại điểm c khoản 1 Điều 4 dự thảo quy định kèm theo Nghị quyết)	UBND phường Hoa Lư (Văn bản số 2961/UBND-VHXXH ngày 14/8/2026)	Quy định ban hành kèm theo dự thảo Nghị quyết, tiêu chí phân bổ theo quy mô dân số được xác định theo 04 mức; trong đó, các xã, phường có dân số từ 50.000 người trở lên cùng được tính 200 điểm. Theo bản thuyết minh số liệu, phường Hoa Lư có dân số 148.406 người nhưng vẫn được tính 200 điểm theo tiêu chí này. - UBND phường Hoa Lư đề nghị nghiên cứu bổ sung các mức phân loại đối với các xã, phường có quy mô dân số lớn hơn 50.000 người, hoặc có cơ chế điều chỉnh phù hợp đối với địa bàn có dân số đặc biệt lớn. - Lý do: Việc áp dụng một mức điểm chung đối với	Tiếp thu ý kiến; đã bổ sung thêm 01 mức điểm cho các xã, phường có quy mô dân số từ 100.000 dân trở lên ở Tiêu chí 03 tại điểm c khoản 1 Điều 4 dự thảo Quy định (<i>tổng cộng có 05 mức điểm, phù hợp với 05 mức điểm quy định tại điểm c Khoản 1 Điều 4 Quyết định số 37/2026/QĐ-TTg</i>).

TT	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Nguồn số liệu cơ sở để phân bổ ngân sách <i>(khoản 3 Điều 4 dự thảo Quy định kèm theo Nghị quyết)</i>		tất cả các xã, phường từ 50.000 người trở lên chưa phản ánh đầy đủ sự chênh lệch về quy mô dân số, từ đó chưa tương xứng với số lượng đối tượng quản lý, khối lượng nhiệm vụ và nhu cầu nguồn lực thực hiện chương trình tại cơ sở. Dự thảo hiện quy định sử dụng số liệu về dân số, diện tích năm 2025; tỷ lệ bổ sung cân đối theo dự toán ngân sách năm 2026; tỷ lệ suy dinh dưỡng và tỷ trọng dân số từ 65 tuổi trở lên theo số liệu năm 2025. - UBND phường Hoa Lư đề nghị nghiên cứu bổ sung quy định về việc rà soát, cập nhật các số liệu có biến động hằng năm và xác định rõ thời điểm, nguồn số liệu làm căn cứ phân bổ ngân sách từng năm. - Lý do: Nghị quyết thực hiện trong giai đoạn 2026 - 2030, trong khi một số tiêu chí có thể thay đổi theo từng năm; việc cập nhật sẽ bảo đảm mức phân bổ ngân sách sát với tình hình thực tế, quy mô dân số và nhu cầu thực hiện Chương trình của từng địa phương.	Cơ quan soạn thảo giữ nguyên nội dung nguồn dữ liệu tại khoản 3 Điều 4 dự thảo Quy định. Lý do: Ngân sách nhà nước thực hiện Chương trình được Trung ương quyết định phân bổ cho các địa phương trong giai đoạn 2026 - 2030 và hằng năm theo nguyên tắc, tiêu chí, định mức quy định tại Quyết định số 37/2026/QĐ-TTg. Nguồn số liệu để trung ương căn cứ phân bổ cho các tỉnh, thành phố là các số liệu nền năm 2025 <i>(theo khoản 4 Điều 4 Quyết định số 37/2026/QĐ-TTg)</i>, do vậy việc quy định sử dụng nguồn số liệu năm 2025 tại khoản 3 Điều 4 dự thảo Quy định là phù hợp với quy định tại Quyết định số 37/2026/QĐ-TTg.
4	Căn cứ ban hành Nghị quyết	Sở Tài chính (Văn bản số 9661/STC-TH ngày 14/8/2026)	Cơ bản nhất trí với dự thảo Nghị quyết và có một số ý kiến tham gia: I. Về dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh: Đề nghị đơn vị soạn thảo bổ sung căn cứ sau: “Căn	Cơ quan soạn thảo giữ nguyên dự thảo, không bổ sung căn cứ là Nghị quyết số 31/2026/NQ-HĐND theo ý kiến góp ý

TT	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			<i>cứ Nghị quyết số 31/2026/NQ-HĐND ngày 29/7/2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình quy định phân cấp cho Hội đồng nhân dân cấp xã quyết định phân bổ, điều chỉnh kế hoạch đầu tư công trung hạn, hàng năm từng chương trình mục tiêu quốc gia trên địa bàn tỉnh Ninh Bình”</i>	của Sở Tài chính. Lý do: Theo Điều 62 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định: “Điều 62. Căn cứ ban hành văn bản quy phạm pháp luật <i>Căn cứ ban hành văn bản là văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực hoặc đã được công bố hoặc ký ban hành chưa có hiệu lực nhưng phải có hiệu lực trước hoặc cùng thời điểm với văn bản được ban hành. Căn cứ ban hành văn bản bao gồm văn bản quy phạm pháp luật quy định thẩm quyền, chức năng của cơ quan ban hành văn bản đó và văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn quy định nội dung, cơ sở để ban hành văn bản.”.</i> Như vậy căn cứ ban hành Nghị quyết này của HĐND tỉnh là các văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn Nghị quyết của HĐND tỉnh.
	Nguồn số liệu về xã, phường khu vực I, II vùng đồng bào dân tộc thiểu		II. Về dự thảo Quy định 1. Tại điểm b khoản 3 Điều 4 Dự thảo Quy định, đề nghị đơn vị soạn thảo sửa: “<i>Quyết định số 2247/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình</i>” thành “<i>Quyết định số 2953/QĐ-UBND</i>	Cơ quan soạn thảo giữ nguyên dự thảo. Lý do: Quyết định số 2247/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Ninh Bình vẫn còn hiệu lực. Quyết định số 2953/QĐ-UBND ngày 09/8/2026 của

TT	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	số và miền núi (điểm b khoản 3 Điều 4 dự thảo Quy định)		<i>ngày 09/8/2026 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình</i> ". Do Quyết định số 2247/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Ninh Bình đã hết hiệu lực.	UBND tỉnh Ninh Bình chỉ phê duyệt danh sách thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi. Danh sách xã, phường khu vực I, II vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi vẫn thực hiện theo Quyết định số 2247/QĐ-UBND.
	Tên Điều 5 dự thảo Quy định		2. Tại Điều 5 Dự thảo Quy định, đề nghị đơn vị soạn thảo điều chỉnh như sau: " <i>Ngân sách nhà nước (bao gồm vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương và đối ứng của ngân sách địa phương) bố trí cho các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh, các đơn vị để thực hiện Chương trình được xác định căn cứ các tiêu chí sau:</i> "	Tiếp thu ý kiến; đã chỉnh sửa tên Điều 5 dự thảo Quy định.
	Nội dung Điều 6 dự thảo Quy định		3. Tại Điều 6 Dự thảo Quy định, đề nghị đơn vị soạn thảo quy định cụ thể tỷ lệ phần trăm (%) phân bổ vốn đầu tư, vốn thường xuyên trên tổng vốn ngân sách nhà nước (bao gồm: vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương và vốn đối ứng của ngân sách địa phương). Cụ thể: " <i>Điều 6. Định mức phân bổ ngân sách nhà nước (bao gồm vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương và đối ứng của ngân sách địa phương) thực hiện Chương trình</i> <i>1. Tổng mức ngân sách nhà nước của Chương trình</i>	Tiếp thu ý kiến; đã bổ sung, chỉnh sửa nội dung Điều 6 dự thảo Quy định.

TT	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			= Tổng ngân sách nhà nước phân bổ cho các xã, phường + Tổng ngân sách nhà nước phân bổ cho các sở, ban, ngành, đơn vị, đoàn thể cấp tỉnh. Căn cứ tổng mức ngân sách nhà nước của Chương trình (bao gồm ngân sách trung ương và vốn đối ứng ngân sách tỉnh) được cấp có thẩm quyền giao và các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ được quy định tại Nghị quyết này, ngân sách nhà nước được phân bổ cho các sở, ban, ngành, đơn vị, đoàn thể cấp tỉnh và các xã, phường để thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ của Chương trình trong từng giai đoạn và hằng năm. 2. Bố trí tối đa 10% tổng vốn ngân sách nhà nước (bao gồm vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách trung ương và đối ứng của ngân sách địa phương) để phân bổ cho các sở, ban, ngành, đơn vị, đoàn thể cấp tỉnh để thực hiện các nội dung, nhiệm vụ của Chương trình. Số vốn còn lại phân bổ cho cấp xã để thực hiện Chương trình; vốn bố trí cho mỗi xã, phường được xác định, tính toán dựa trên các tiêu chí quy định tại Điều 4 của Nghị quyết này. Định mức phân bổ vốn ngân sách nhà nước trên áp dụng cho cả vốn đầu tư công và kinh phí thường xuyên.	

TT	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
	Tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương thực hiện Chương trình (Điều 7 dự thảo Quy định)		4. Tại Điều 7 Dự thảo Quy định, đề nghị soạn thảo sửa lại như sau: <i>“Điều 7: Nguyên tắc bố trí và tỷ lệ vốn đối ứng của ngân sách địa phương</i> <i>1. Tổng ngân sách địa phương cần bố trí vốn đối ứng (Vđư) được xác định theo nguyên tắc như sau:</i> $Vđư = (Ktx + Vđt) \times Rđư$ <i>- Ktx là tổng kinh phí thường xuyên của Chương trình phân bổ cho tỉnh.</i> <i>- Vđt Là vốn đầu tư công ngân sách trung ương cấp cho tỉnh.</i> <i>- Rđư là tỷ lệ vốn đối ứng ngân sách địa phương (Được xác định theo Khoản 2, Điều 8, Quyết định số 37/2026/QĐ-TTg ngày 14/7/2026)</i> <i>2. Bố trí tổng vốn đối ứng của ngân sách địa phương giai đoạn 2026-2030 từ nguồn ngân sách tỉnh để thực hiện Chương trình không thấp hơn mức được xác định theo quy định tại khoản 1 Điều này.”</i>	Tiếp thu một phần ý kiến. Cơ quan soạn thảo đã chỉnh sửa nội dung Điều 7 dự thảo Quy định theo ý kiến góp ý; đối với tên Điều 7 giữ nguyên là “Mức vốn đối ứng của ngân sách địa phương”. Lý do: Tỷ lệ vốn đối ứng được xác định theo Khoản 2 Điều 8 Quyết định số 37/2026/QĐ-TTg ngày 14/7/2026 chỉ là cơ sở, căn cứ để xác định mức vốn đối ứng của ngân sách địa phương cần bố trí để thực hiện Chương trình.
5	Toàn bộ hồ sơ dự thảo Nghị quyết	Ban Quản lý Khu kinh tế và các khu công nghiệp	Nhất trí (Văn bản số 4808/BQL-VP ngày 11/8/2026)	
6		Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng số 3	Nhất trí (Văn bản số 2085/BQLDA-VP ngày 11/8/2026)	
7		Sở Công thương	Nhất trí (Văn bản số 5051/SCT-KHTH ngày 12/8/2026)	

TT	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
8		Sở Khoa học và Công nghệ	Nhất trí (<i>Văn bản số 2779/SKHCN-KHTC ngày 13/8/2026</i>)	
9		Sở Nội vụ	Nhất trí (<i>Văn bản số 7961/SNV-TCBM ngày 14/8/2026</i>)	
10		Sở Nông nghiệp và Môi trường	Nhất trí (<i>Văn bản số 10796/SNNMT-PTNT ngày 14/8/2026</i>)	
11		Sở Xây dựng	Nhất trí (<i>Văn bản số 9035/SXD-KHTC ngày 14/8/2026</i>)	
12		Ủy ban mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Ninh Bình	Nhất trí (<i>Văn bản số 845/MTTQ-BTT ngày 14/8/2026</i>)	
13		UBND xã Hải Hậu	Nhất trí (<i>Văn bản số 1187/UBND-VHXXH ngày 08/8/2026</i>)	
14		UBND xã Đồng Thái	Nhất trí (<i>Văn bản số 1277/UBND-VHXXH ngày 10/8/2026</i>)	
15		UBND xã Trần Thương	Nhất trí (<i>Văn bản số 827/UBND-VHXXH ngày 10/8/2026</i>)	
16		UBND xã Phú Long	Nhất trí (<i>Văn bản số 1932/UBND-VHXXH ngày 12/8/2026</i>)	
17		UBND xã Giao Hòa	Nhất trí (<i>Văn bản số 693/BC-UBND ngày 11/8/2026; văn bản số 698/BC-UBND ngày</i>	

TT	NHÓM VẤN ĐỀ, ĐIỀU, KHOẢN	CHỦ THỂ GÓP Ý	NỘI DUNG GÓP Ý	NỘI DUNG TIẾP THU, GIẢI TRÌNH
			12/8/2026)	
18		UBND phường Duy Tân	Nhất trí (Văn bản số 1150/UBND-VHXXH ngày 11/8/2026)	
19		UBND xã Vạn Thắng	Nhất trí (Văn bản số 719/UBND-VHXXH ngày 11/8/2026)	
20		UBND xã Nam Lý	Nhất trí (Văn bản số 619/UBND-VHXXH ngày 13/8/2026)	
21		UBND xã Vĩnh Trụ	Nhất trí (Văn bản số 917/UBND-VHXXH ngày 14/8/2026)	
22		UBND xã Bắc Lý	Nhất trí (Văn bản số 649/UBND-VHXXH ngày 14/8/2026)	
23		UBND phường Nam Hoa Lư	Nhất trí (Văn bản số 2418/UBND-VHXXH ngày 14/8/2026)	
24		UBND xã Hải Tiến	Nhất trí (Văn bản số 1113/UBND-VHXXH ngày 17/8/2026)	
25		Chi cục Dân số và trẻ em	Nhất trí (Văn bản số 349/DS&TE-QMDS ngày 13/8/2026)	
26		Trung tâm Kiểm soát bệnh tật	Nhất trí (Văn bản số 701/KSBT-KHNV ngày 14/8/2026)	
27		Phòng Bảo hiểm Y tế, Sở Y tế	Nhất trí (Văn bản ngày 14/8/2026)	

Trên đây là báo cáo tổng hợp ý kiến, tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý đối với hồ sơ dự thảo Nghị quyết ban hành Quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức phân bổ ngân sách nhà nước và mức vốn đối ứng ngân sách địa phương thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia về chăm sóc sức khỏe, dân số và phát triển giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn tỉnh Ninh Bình, Sở Y tế trân trọng báo cáo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- UBND tỉnh (để báo cáo);
- Các Sở: Tư pháp, Tài chính;
- UBND các xã, phường;
- Các đ/c Lãnh đạo Sở Y tế;
- Văn phòng Sở Y tế (để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử Sở Y tế);
- Lưu: VT, TC.

Hg

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Ngô Ngọc Quang